

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 16 – Tháng 05 Năm 2024 – Capable Counsel

I. Lĩnh vực thương mại:

1.1. Nghị định 55/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Nghị định này quy định chi tiết khoản 9 Điều 3; khoản 2 Điều 9; khoản 2 Điều 13; khoản 5 Điều 23; khoản 5 Điều 28; khoản 3 Điều 32; khoản 5 Điều 33; khoản 4 Điều 37; khoản 5 Điều 39; khoản 3 Điều 40; khoản 3 Điều 45; khoản 3 Điều 47 và khoản 2 Điều 73 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Ban hành kèm theo Nghị định này là các mẫu/biểu mẫu như sau:

Số thứ tự	Nội dung
Mẫu số 01	Báo cáo tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung
Mẫu số 02	Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung
Mẫu số 03	Thông báo về việc bổ sung hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung
Mẫu số 04	Thông báo về việc hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung
Mẫu số 05	Thông báo về kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

Mẫu số 06	Báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Mẫu số 07	Công văn về việc lấy ý kiến góp ý đối với hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung
Mẫu số 08	Báo cáo thực hiện chương trình thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật
Mẫu số 09	Báo cáo kết quả thực hiện chương trình thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật
Mẫu số 10	Thông báo thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên
Mẫu số 11	Thông báo sửa đổi, bổ sung thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên

1.2. Thông tư 32/2024/TT-BTC các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Cách tiếp cận thị trường, Cách tiếp cận chi phí, Cách tiếp cận từ thu nhập do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Ban hành kèm theo Thông tư này các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam sau:

- Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Cách tiếp cận từ thị trường;
- Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Cách tiếp cận từ chi phí;
- Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Cách tiếp cận từ thu nhập.

Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam này quy định và hướng dẫn về cách tiếp cận từ thị trường/ chi phí khi thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.

Đối tượng áp dụng:

- Thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.



- Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá.
- Tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá, bên thứ ba sử dụng báo cáo thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá (nếu có).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08, 09 và 10 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

1.3. Thông tư 34/2024/TT-BTC quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Thông tư này quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Giá.

Thẻ thẩm định viên về giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này theo quy định tại khoản 1 Điều 44, bao gồm: Thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá tài sản và Thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp.

Đối tượng áp dụng:

- Người tham dự kỳ thi cấp thẻ thẩm định viên về giá theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Luật Giá.
- Người đã được cấp thẻ thẩm định viên về giá.
- Hội đồng thi cấp thẻ thẩm định viên về giá và Tổ giúp việc của Hội đồng thi cấp thẻ thẩm định viên về giá.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thi, cấp, quản lý, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá.

Hồ sơ đăng ký dự thi:

Đối với người chưa có thẻ thẩm định viên về giá, hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;



- Bản sao chứng thực chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá phù hợp với lĩnh vực chuyên môn dự thi do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp có giấy tờ nêu tại điểm c khoản 1 Điều này;
- Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá (nếu không có bản sao chứng thực chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá nêu tại điểm b khoản 1 Điều này). Trong trường hợp bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên không ghi rõ chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá thì thí sinh nộp thêm bản sao chứng thực bằng điểm có thể hiện đã học các chuyên ngành trên;
- Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên (của chuyên ngành khác với chuyên ngành giá, thẩm định giá), trừ trường hợp có bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên của chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá;
- 02 (hai) ảnh màu (4x6cm) chụp trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Đối với người đã có thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá tài sản có nhu cầu thi thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm đ Khoản 1 Điều này;
- Bản sao thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá tài sản.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Thông tư này thay thế Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá (sau đây gọi tắt là Thông tư 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính).

Đối với thí sinh đã dự thi lần đầu tại kỳ thi tổ chức liền trước ngày 01/7/2024 có điểm thi đạt yêu cầu của các môn thi quy định tại Thông tư 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính dưới đây thì được bảo lưu kết quả thi tại kỳ thi lần đầu tiên được tổ chức thi thực hiện theo quy định của Thông tư này, cụ thể:

- Môn thi Thẩm định giá bất động sản;
- Môn thi Thẩm định giá doanh nghiệp;



- Môn thi Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá kết hợp với môn thi “Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và nguyên lý căn bản về thẩm định giá” quy định tại Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính tương đương với môn thi “Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá, nguyên lý hình thành giá cả thị trường và nguyên lý căn bản về thẩm định giá” quy định tại Thông tư này;
- Đối với thí sinh đã dự thi có điểm thi đạt yêu cầu của một trong hai môn thi “Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá” hoặc môn thi “Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và nguyên lý căn bản về thẩm định giá” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính được bảo lưu môn thi đạt yêu cầu và được đăng ký dự thi môn thi còn lại chưa đạt yêu cầu để xác định đạt yêu cầu môn thi “Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá, nguyên lý hình thành giá cả thị trường và nguyên lý căn bản về thẩm định giá” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Hình thức thi, thời gian thi, ngôn ngữ làm bài thi và nội dung của môn thi “Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá” và môn thi “Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và nguyên lý căn bản về thẩm định giá” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính.

Thẻ thẩm định viên về giá đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục có giá trị pháp lý và tương đương với thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực doanh nghiệp.

1.4. Thông tư 36/2024/TT-BTC Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Ban hành kèm theo Thông tư này Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá doanh nghiệp.

Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam này quy định và hướng dẫn thực hiện thẩm định giá doanh nghiệp khi thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.

Đối tượng áp dụng

- Thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.



- Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá.
- Tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá, bên thứ ba sử dụng báo cáo thẩm định giá theo hợp đồng thẩm định giá (nếu có).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 27/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

1.5. Thông tư 39/2024/TT-BTC quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Thông tư này quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá cho thẩm định viên về giá và người làm công tác thẩm định giá của nhà nước.

Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người có nhu cầu dự thi để được cấp Thẻ thẩm định viên về giá; người có Thẻ thẩm định viên về giá; thẩm định viên về giá; người làm công tác thẩm định giá của Nhà nước; đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá; cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá (sau đây gọi tắt là đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức).

Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức:

- Chương trình, nội dung, thời gian đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải phù hợp với các đối tượng tham dự lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo quy định tại Thông tư này.
- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải đảm bảo thường xuyên cập nhật, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của người tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức.



- Việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức được tổ chức dưới hình thức tập trung. Trong trường hợp phát sinh tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cần thiết khác, Bộ Tài chính thông báo việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức được thực hiện theo hình thức trực tuyến.
- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá và Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

II. Lĩnh vực doanh nghiệp:

2.1. Thông tư 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 5 năm 2024 về biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

Thông tư này quy định về biểu mẫu áp dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cả nước; quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Đối tượng áp dụng:

- Tổ hợp tác đăng ký theo Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.



Mẫu văn bản quy định cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

- Biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các biểu mẫu từ Mẫu II-1 đến Mẫu II-12 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- Biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác bao gồm các biểu mẫu từ Mẫu III-1 đến Mẫu III-7 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện dùng trong giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

- Biểu mẫu cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện dùng trong đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các biểu mẫu từ Mẫu IV-1 đến Mẫu IV-11 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;
- Biểu mẫu cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện dùng trong đăng ký tổ hợp tác bao gồm các biểu mẫu từ Mẫu V-1 đến Mẫu V-7 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;
- Biểu mẫu cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện dùng chung trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các biểu mẫu từ Mẫu VI-1 đến Mẫu VI-5 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Nội dung thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nội dung thông tin về quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các biểu mẫu từ Mẫu VII-1 đến Mẫu VII-4 của Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Danh mục chữ cái và ký hiệu sử dụng trong đặt tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã và Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số



điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Bãi bỏ Điều 5 và Mục V Phụ lục của Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của các thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.2. Công văn 1794/TCT-CS ngày 02 tháng 5 năm 2024 chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp do Tổng cục Thuế ban hành.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì các khoản thu nhập từ lĩnh vực ưu đãi đầu tư và các khoản thu nhập như chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của lĩnh vực được ưu đãi cũng được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

2.3. Công văn 1884/TCT-CS ngày 07 tháng 5 năm 2024 trả lời chính sách thuế do Tổng cục Thuế ban hành.

Trường hợp Công ty thực hiện dự án đầu tư mới, được cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực điện lực, có doanh thu từ hoạt động sản xuất bán điện (đơn vị sử dụng nhiệt trong quá trình đốt xử lý chất thải rắn để phát điện) thì doanh thu từ hoạt động sản xuất bán điện của Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định.

2.4. Công văn 26844/CTHN-TTHT ngày 09 tháng 05 năm 2024 chính sách thuế đối với hộ kinh doanh do Cục thuế Thành phố Hà Nội ban hành.

Về phương pháp tính thuế: phương pháp kê khai áp dụng đối với hộ kinh doanh quy mô lớn và hộ kinh doanh chưa đáp ứng quy mô lớn nhưng lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai. Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Hộ kinh doanh



nộp thuế theo phương pháp kê khai nếu xác định doanh thu tính thuế không phù hợp thực tế thì cơ quan thuế thực hiện ấn định doanh thu tính thuế.

Về hóa đơn:

- Trường hợp hộ kinh doanh nộp thuế phương pháp kê khai: được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- Trường hợp hộ kinh doanh không nộp thuế phương pháp kê khai thì đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

2.5. Công văn 27295/CTHN-TTHT ngày 10 tháng 5 năm 2024 về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp công nghệ cao do Cục Thuế Thành phố Hà Nội ban hành.

Về nguyên tắc trường hợp doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp mà được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao thì mức ưu đãi đối với doanh nghiệp công nghệ cao được xác định bằng mức ưu đãi áp dụng cho doanh nghiệp công nghệ cao quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp chỉ được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất tương ứng với một điều kiện ưu đãi doanh nghiệp đã lựa chọn.

2.6. Công văn 29272/CTHN-TTHT ngày 20 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn chính sách thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp do Cục Thuế Thành phố Hà Nội ban hành.

Trường hợp Công ty lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Trường hợp khách hàng của Công ty có phát sinh việc mua hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, có hóa đơn GTGT hợp



pháp và đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi bổ sung tại Điều 1 Thông tư 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính) thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

Liên quan đến việc xác định khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

III. Lĩnh vực đầu tư:

3.1. Quyết định 1615/QĐ-UBND năm 2024 công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí
Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do	<p>- Về thời hạn xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao một cơ quan chuyên môn tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư.</p> <p>+ Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày được giao nhiệm vụ, cơ quan chuyên môn xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án với quy định tại khoản 4,5,6 Điều 1 của Nghị định số 23/2024/NĐ-</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư (số 32, đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không



nhà đầu tư đề xuất	CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, trình người có thẩm quyền phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh. - Về thời hạn đăng tải thông tin: Cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân Thành phố) thực hiện đăng tải thông tin dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.		
--------------------	---	--	--

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3.2. Thông tư 07/2024/TT-BYT quy định về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Thông tư này quy định về hoạt động đấu thầu thuốc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan hành chính nhà nước về y tế và đơn vị sự nghiệp y tế công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở y tế công lập), bao gồm:

- Phân chia gói thầu và nhóm thuốc;
- Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc;
- Mua sắm tập trung thuốc.

Thông tư này áp dụng đối với việc đấu thầu thuốc hóa dược, thuốc phóng xạ, chất đánh dấu, vắc xin, sinh phẩm, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, dược liệu, vị thuốc cổ truyền và các loại khí được cấp số đăng ký lưu hành là thuốc để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh.

Việc mua thuốc do Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.



Việc mua thuốc sử dụng trong khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến quân y cơ quan, y tế cơ quan, y tế tại các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng vũ trang thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Việc mua máu toàn phần, chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2023/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá tối đa và chi phí phục vụ cho việc xác định giá một đơn vị máu toàn phần, chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

- Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;
- Điều 5 Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;
- Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;
- Thông tư số 15/2021/TT-BYT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;
- Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;
- Thông tư số 22/2020/TT-BYT ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thẻ bảo hiểm y tế;



- Chương III Thông tư số 36/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao;
- Thông tư số 09/2022/TT-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm dược liệu và vị thuốc cổ truyền tại cơ sở y tế công lập.

IV. Lĩnh vực thuế, phí, lệ phí:

4.1. Nghị định 48/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số ban hành ngày 09 tháng 5 năm 2024.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Hồ sơ cấp chứng thư số của thuê bao
- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 46

Đối với hồ sơ cấp chứng thư số của thuê bao đã nộp cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được cấp chứng thư số thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, trừ trường hợp các bên lựa chọn áp dụng quy định của Nghị định này.

Đối với hồ sơ cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

4.2. Thông tư 41/2024/TT-BTC sửa đổi Thông tư 44/2017/TT-BTC quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Sửa đổi, bổ sung Điều 6 “Điều chỉnh, bổ sung khung giá tính thuế tài nguyên” của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên:

- Bãi bỏ khoản 5.2 Điều 6;
- Sửa đổi khoản 5.3 Điều 6;
- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 13

Quy định về miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân quy định tại Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

V. Lĩnh vực Lao động – tiền lương:

5.1. Quyết định 624/QĐ-BLĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2024 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

STT	Mã hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
-----	-----------------------------	------------------------	---	----------	-------------------



Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.010697	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	1.005129	Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/QĐ-LĐTBXH ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các Thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.